

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao nguyên trạng tài sản là máy móc, thiết bị và các tài sản khác cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-BTC ngày 05/7/2021 của Bộ Tài chính về việc điều chuyển tài sản công; Công văn số 13688/BTC-QLCS ngày 30/11/2021 của Bộ Tài chính về việc đính chính tên danh mục tài sản điều chuyển tại Quyết định số 1291/QĐ-BTC ngày 05/7/2021;

Theo đề nghị của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tại Văn bản số 167/VP ngày 28/9/2021 và Sở Tài chính tại Văn bản số 773/TTr-STC ngày 27/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nguyên trạng tài sản là máy móc, thiết bị và các tài sản khác cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh để quản lý, sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức và thực hiện thanh lý tài sản hư hỏng theo đúng quy định (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định; thực hiện hạch toán tăng giảm tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 126, Điều 127 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K17.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

**Danh mục tài sản là máy móc, thiết bị và các tài sản khác giao nguyên trạng cho
 Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2021 của UBND tỉnh)

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ kế toán tính đến thời điểm ngày 31/12/2020 (đồng)
A	Danh mục tài sản giao nguyên trạng để tiếp tục quản lý, sử dụng				806.320.000	400.130.450
I	Máy móc thiết bị				468.560.000	196.065.500
1	Máy vi tính	Bộ	1	10/2013	14.900.000	0
2	Máy vi tính Dell	Bộ	1	12/2016	12.870.000	0
3	Máy vi tính để bàn Dell	Bộ	2	5/2017	25.800.000	5.160.000
4	Máy vi tính để bàn dell (KT)	Bộ	1	6/2019	14.970.000	8.982.000
5	Máy vi tính DELL (CV)	Bộ	1	9/2020	14.870.000	11.896.000
6	Máy vi tính Intel (CV)	Bộ	1	3/2021	15.000.000	15.000.000
7	Máy vi tính xách tay Dell	Chiếc	2	5/2017	25.800.000	5.160.000
8	Máy in cannon	Chiếc	1	5/2017	3.300.000	660.000
9	Máy in 2 mặt HP	Chiếc	1	5/2017	6.450.000	1.290.000
10	Máy in Canon 214DW	Chiếc	1	9/2020	6.950.000	5.560.000
11	Máy fax cannon 215	Chiếc	1	6/2017	6.640.000	1.328.000
12	Máy scan HP JePro 2000 s1	Chiếc	1	6/2019	12.600.000	7.560.000
13	Máy photocopy cannonIR 2530	Chiếc	1	5/2017	85.000.000	42.500.000
14	Máy lạnh LG C12S	Chiếc	1	12/2010	6.650.000	0
15	Máy lạnh Panasonic KC 18JKH	Chiếc	1	12/2010	11.950.000	0
16	Máy lạnh Panasonic PC 12	Chiếc	1	5/2014	10.550.000	2.637.500
17	Máy lạnh LG SI8ENA	Chiếc	1	8/2016	12.600.000	4.725.000
18	Máy điều hòa LG S09en	Chiếc	1	8/2016	6.600.000	2.475.000
19	Máy điều hòa Panasonic PU 12TKH-8	Chiếc	2	7/2017	24.690.000	12.345.000
20	Máy điều hòa panasonic PU 12TKH-8	Chiếc	1	4/2018	13.380.000	8.362.500

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ kế toán tính đến thời điểm ngày 31/12/2020 (đồng)
21	Máy điều hòa panasonic CU/CS-PU12TKH-8	Chiếc	1	12/2018	13.380.000	8.362.500
22	Quạt điện panasonic F-409KB	Chiếc	2	4/2017	7.360.000	2.024.000
23	Tivi Panasonic (HT)	Chiếc	1	6/2020	25.000.000	20.000.000
24	Máy ghi âm ICD-PX470	Chiếc	2	5/2017	5.120.000	1.024.000
25	Máy ảnh Canon ESO 750D	Chiếc	1	5/2017	14.870.000	2.974.000
26	Thiết bị âm thanh phòng họp, hội trường JST	Chiếc	1	12/2017	65.100.000	26.040.000
27	Tủ lạnh electronic	Chiếc	1	12/2005	6.160.000	0
II	Tài sản khác				307.760.000	186.064.950
01	Tủ hồ sơ	Chiếc	1	10/2014	6.850.000	0
02	Tủ tài liệu gỗ	Chiếc	1	7/2017	8.500.000	2.337.500
03	Tủ tài liệu HP HC 2200	Chiếc	2	6/2017	17.678.000	4.861.450
04	Tủ đựng tài liệu HP DC 1800	Chiếc	1	6/2017	7.450.000	2.048.750
05	Tủ tài liệu kéo	Chiếc	1	10/2014	3.570.000	0
06	Bàn vi tính	Chiếc	4	10/2014	9.320.000	1.165.000
07	Bàn làm việc	Chiếc	2	10/2014	7.700.000	1.925.000
08	Ghế xoay da	Chiếc	2	10/2014	7.200.000	1.800.000
09	Ghế xoay da	Chiếc	2	10/2014	8.700.000	2.175.000
10	Bộ bàn ghế làm việc gỗ	Chiếc	1	7/2017	10.000.000	5.000.000
11	Bàn làm việc HP DT 1890H25	Chiếc	1	6/2017	4.827.000	2.413.500
12	Bàn làm việc HP ET 1600E	Chiếc	1	6/2017	4.500.000	2.250.000
13	Bàn vi tính HP OD 1200E	Chiếc	1	6/2017	2.700.000	1.350.000
14	Ghế lưới HP GL 112M	Chiếc	3	6/2017	3.795.000	1.897.500
15	Bàn ghế tiếp khách	Chiếc	1	11/2018	10.000.000	6.250.000
16	Két sắt 0,8 khóa	Chiếc	1	10/2004	4.500.000	0
17	Bàn hội trường gỗ	Chiếc	1	7/2017	6.500.000	3.250.000
18	Ghế hội trường gỗ	Chiếc	10	7/2017	20.000.000	10.000.000
19	Ghế chủ trì (HT)	Chiếc	2	11/2020	22.000.000	19.250.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ kế toán tính đến thời điểm ngày 31/12/2020 (đồng)
20	Bàn gỗ chủ trì (HT)	Chiếc	1	11/2020	12.000.000	10.500.000
21	Ghế gỗ (HT)	Chiếc	10	11/2020	93.000.000	81.375.000
22	Giá sắt để tài liệu HP GS5k2	Chiếc	2	6/2017	9.020.000	4.510.000
23	Giá sắt để tài liệu	Chiếc	1	12/2018	11.000.000	6.875.000
24	Kệ, tủ nhôm (LT)	Chiếc	1	12/2020	16.950.000	14.831.250
III	Tài sản vô hình				30.000.000	18.000.000
1	Trang tin điện tử	Trang	1	1/2013	30.000.000	18.000.000
B	Danh mục tài sản giao nguyên trạng để thực hiện xử lý thanh lý theo quy định				191.200.000	3.820.000
I	Máy móc thiết bị				168.850.000	0
1	Máy vi tính CPU-intel	Bộ	1	12/2010	9.850.000	0
2	Máy vi tính	Bộ	2	10/2013	29.800.000	0
3	CPU máy vi tính	Bộ	1	12/2016	8.950.000	0
4	Máy laptop Vaio	Chiếc	1	10/2013	19.500.000	0
5	Máy in cannon IP90	Chiếc	1	12/2007	6.600.000	0
6	Máy photocopy hiệu toshiba	Chiếc	1	12/2010	75.900.000	0
7	Tivi sony	Chiếc	1	12/2004	4.100.000	0
8	DVD xe ford	Chiếc	1	12/2010	9.800.000	0
9	Tủ lạnh Sanyo	Chiếc	1	12/2004	4.350.000	0
II	Tài sản khác				5.400.000	0
1	Bàn họp ván vani	Chiếc	1	12/2001	5.400.000	0
III	Tài sản vô hình				16.950.000	3.820.000
1	Phần mềm kế toán misa	Bộ	1	12/2005	9.850.000	0
2	Phần mềm KT misa	Bộ	1	12/2009	4.100.000	820.000
3	Phần mềm KT misa	Bộ	1	12/2018	3.000.000	3.000.000